

Bản án số: 194/2020/HS-PT
Ngày 12 tháng 5 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 743/2019/TLPT-HS ngày 28 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Văn T, Vũ Thị Ngọc L, Trần Đại D do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự số 388/2019/HS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố M, yêu cầu giảm án và cho hưởng án treo.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Văn T (tên gọi khác: T Sẹo), sinh ngày 10/9/1973; tại Hải Phòng;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 227/61 (số cũ 9/98T) Phan Huy I, phường 12, quận G V, Thành phố M; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; cha là ông Phạm Bá P(chết) và mẹ bà Vũ Thị X (chết); bị cáo có vợ là Huỳnh Phương T1, sinh năm 1983 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tạm giam ngày 13/9/2018 đến ngày 31/01/2019 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt)

2. Vũ Thị Ngọc L sinh ngày 22/5/1976; tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 13/14 khu phố 8, phường T2 H1, thành phố B H2, tỉnh Đ N; chỗ ở: Như trên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên Chúa; cha là ông Vũ Ngọc H3 sinh năm 1937 và mẹ bà Nguyễn Thị K sinh năm 1941; bị cáo có chồng Phạm Văn Q sinh năm 1971; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 01/4/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố B H2, tỉnh Đ N xử phạt 09 tháng 11 ngày tù theo Bản án số 170/2014/HSST về tội: “Đánh bạc”.

Bị cáo tạm giam từ ngày 13/9/2018 đến ngày 11/12/2018 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

3. Trần Đại D, sinh ngày 07/7/1997 tại Đồng Nai;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 153A/6 khu phố 2, phường H4 N1, thành phố B H2, tỉnh Đ N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; cha là ông Trần Văn D1, sinh năm 1970 và mẹ bà Nguyễn Thị Mỹ H5, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 07/02/2018, Công an huyện T3 B1, tỉnh Đ N ra quyết định xử phạt hành chính phạt 3.500.000 đồng về hành vi hủy hoại tài sản;

Bị cáo tạm giam từ ngày 13/9/2018 đến ngày 11/12/2018 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 15 ngày 13/9/2018, Cục Cảnh sát Hình sự - Bộ Công an đã phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra bắt quả tang 38 đối tượng đang thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa tại nhà số 171/127 Nguyễn Tư Giản, phường 12, quận G V, Thành phố M.

* Tang vật, thu giữ tại chiếu bạc gồm:

- Tiền NHVN: 301.500.000 đồng (ba trăm lẻ một triệu năm trăm ngàn đồng).

- Dụng cụ để đánh bạc: 01 cây búa, 01 thớt, 01 đục sắt để đục quân vị (quân bài đặt chắn – lẻ), 01 đĩa bằng sứ, 01 bát nhựa, 04 quân vị được đục từ bài tây (02 quân ký hiệu màu đỏ “rô”, 02 quân ký hiệu màu đen “tép”), 03 bản vị màu xanh lá cây, 01 tấm bạt màu đỏ dùng để đánh bạc.

- Một cuốn sổ nhỏ của Phạm Văn T dùng ghi tiền và tên người vay tiền của T tham gia đánh bạc tại sòng bạc xóc đĩa do Nguyễn Trọng T4 tổ chức (có chữ ký xác nhận của Phạm Văn T trên từng trang).

* Hình thức đánh bạc: Cái bạc (hồ lý) dùng bát và đĩa xóc 04 quân vị (mỗi quân vị có 2 mặt đen và trắng) và để ở giữa chiếu bạc; con bạc được chia thành hai bên: bên chẵn và bên lẻ, đặt cược thắng thua bằng tiền mặt (mức đặt cược không giới hạn, thấp nhất là 50.000 đồng). Khi hồ lý mở bài, nếu quân vị 3 mặt đen-1 mặt trắng hoặc 3 mặt trắng-1 mặt đen thì bên lẻ thắng; nếu quân vị 2 mặt trắng-2 mặt đen, cả 4 quân vị màu đen hoặc 4 quân vị màu trắng thì bên chẵn thắng. Hồ lý sẽ lấy tiền trên chiếu bạc của bên thua trả cho bên thắng. Sòng bài thu tiền xâu theo quy định khi xóc ra “ba mặt đen”; người thắng cược 500.000 đồng phải xâu 20.000 đồng, thắng cược 1.000.000 đồng xâu 50.000 đồng và thắng cược 10.000.000 đồng xâu 500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị can khai nhận hành vi phạm tội của mình và đồng phạm, lời khai của các bị can phù hợp với nhau và phù hợp với tài liệu chứng cứ mà Cơ quan CSĐT đã thu thập được, cụ thể hành vi của các bị cáo như sau:

* Đối với các bị cáo có hành vi “Tổ chức đánh bạc”:

1. Nguyễn Trọng T4: Từ ngày 25/8/2018, T4 bàn bạc với Trần Văn P1 thuê nhà, tổ chức xóc đĩa thu tiền xâu cho khách tham gia đặt cược tiền với nhau tại số nhà 171/127 Nguyễn Tư Giản, phường 12, quận G V, Thành phố M. T4 trực tiếp bỏ tiền ra để trả tiền thuê nhà, mua vật dụng và dụng cụ để đánh bạc. Hàng ngày, có từ 20 đến 40 người đánh bạc tham gia đặt cược từ 15 giờ đến 18 giờ, số tiền xâu trung bình mỗi ngày được 15.000.000 đồng. Tính đến thời điểm bị bắt T4 tổ chức xóc đĩa được 18 ngày và hưởng lợi từ việc thu tiền xâu là: 15.000.000 đồng/ngày x 18 ngày = 270.000.000 đồng.

- Khi bắt đầu tổ chức đánh bạc, T4 đã báo cho Phạm Văn T biết để T đến cho những người đánh bạc vay tiền để đánh bạc và T4 lấy tiền xâu.

1. Phạm Văn T: T quen biết với Nguyễn Trọng T4. Khi T4 mở sòng bạc tại số 171/127 Nguyễn Tư Giản, phường 12, quận G V, Thành phố Minh, T4 rủ T đến tổ chức cho người đánh bạc khi hết tiền vay tiền để tiếp tục sử dụng đánh bạc. Từ ngày 25/8/2018 đến ngày 13/9/2018, trong thời gian từ khoảng 17 giờ đến 19 giờ, T mang theo trong người khoảng 150.000.000 đồng đến sòng bạc của T4 để cho những người có nhu cầu vay để đánh bạc (không cần tài sản thế chấp) và thu nợ của các con bạc cũ. T cho vay 100.000.000 đồng thì trong 03 ngày người vay phải trả cho T 1.500.000 đồng (lãi suất 0,5%/ngày), sau đó người đánh bạc vay tiền nếu chưa trả thì chịu lãi suất 5%/tháng. Qua hỏi cung Phạm Văn T và đối chiếu sổ ghi nợ đã cho các con bạc vay tiền thu giữ của Phạm Văn T ngày 13/9/2018 xác định: từ ngày 25/8/2018 đến ngày 13/9/2018, T đã cho 10 người đánh bạc vay với tổng số tiền

1.340.000.000 đồng, thu lãi khoảng 40.000.000 đồng (theo lãi suất 5%/tháng). Do sổ nợ chỉ ghi tên, ký danh, không có thông tin lai lịch cụ thể nên không xác minh được những người đã vay tiền của Phạm Văn T. (T khai khi cho con bạc vay không cần thông tin lai lịch của con bạc).

Ngày 13/9/2018, T cho một phụ nữ tên V1 (chưa rõ lai lịch) vay 50.000.000 đồng để đánh bạc, lúc tổ công tác Cục C02 bắt quả tang, V1 đã về trước đó nên không có mặt tại sòng bạc. Đồng thời trong ngày 13/9/2018, T còn cho Đinh Hà G1 vay 100.000.000 đồng để tham gia đặt cược tại sòng bạc này (bút lục 1119-1137).

* Đối với các bị cáo có hành vi “Đánh bạc”:

Thời gian đầu, T4 rủ một số người quen như Vũ Thị Ngọc L, Đoàn Văn P2, Trần Đại D, Trịnh Xuân H6, Đinh Hà G1, Phạm Quý N1, Trần Ngọc T5... đến sòng bài của T4 chơi. Sau đó, những người này giới thiệu một số người đánh bạc mới đến tham gia. Theo quy định của T4, những người đánh bạc muốn đến đánh bạc thì phải gọi điện thoại trước cho T4 và T4 hẹn tại cây xăng số 22, địa chỉ 315 đường Phan Huy I, phường 12, quận G V, TP M, sau đó T4 cho người chở đến quán cà phê gần đó rồi tiếp tục dẫn vào sòng bạc, không ai có thể tự ý đi vào sòng được dù là người quen hoặc đã đến đánh bạc nhiều lần (bút lục 103-110).

1. Vũ Thị Ngọc L: Đầu tháng 9/2018, L cùng Trần Đại D (con nuôi của L) và X (chưa rõ lai lịch) đến TP. M đi công việc, X cho L biết có sòng bạc chơi xóc đĩa ăn tiền tại số 171/127 Nguyễn Tư Giản, phường 12, quận G V, TP. M. Từ ngày 10/9/2018 đến ngày 13/9/2018, L cùng D và X đến sòng bạc 04 lần. Ngày 13/9/2018, L mang theo số tiền 30.300.000 đồng để đánh bạc, L đánh cược nhiều lần, mỗi lần từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng và thua 20.000.000 thì bị bắt quả tang. Khi bị bắt quả tang, thu giữ trong người L số tiền 15.300.0000 đồng (bút lục 1339-1349).

2. Trần Đại D: Ngày 13/9/2018, D cùng Vũ Thị Ngọc L (mẹ nuôi của D) đến TP. M đi công việc. L rủ D đến sòng bạc số 171/127 Nguyễn Tư Giản, phường 12, quận G V, TP. M đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Lúc này, D đem theo trong người 7.700.000 đồng và tham gia cá cược 4 ván, mỗi ván 500.000 đồng cùng 40 người khác. Trong lúc D đang chơi bạc thì bị bắt quả tang, thu giữ trong người D số tiền 2.715.000 đồng. D khai nhận đã đến sòng bạc này 04 lần, có lần chơi đánh cược, có lần không (bút lục 1294-1303).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 388/2019/HS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M đã quyết định:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn T**: 03 (ba) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị bắt giữ, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2018 đến ngày 31/01/2019.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt: Bị cáo **Vũ Thị Ngọc L**: 02 (hai) năm tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị bắt giữ, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2018 đến ngày 11/12/2018.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Đại D**: 02 (hai) năm tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị bắt giữ, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2018 đến ngày 11/12/2018.

Ngoài ra bản án còn tuyên xử các bị cáo khác, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, từ ngày 18 đến ngày 28/10/2018 các bị cáo Trần Đại D, Vũ Thị Ngọc L, Phạm Văn T kháng cáo đối với Bản án hình sự số 388/2019/HS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố M, xin giảm án hoặc cho hưởng án treo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố M về việc giải quyết vụ án như sau: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, số tiền thu giữ tại chiếu bạc trên 300 triệu đồng nên cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo đúng tội danh. Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc cho hưởng án treo thì thấy: Đối với bị cáo T tham gia tổ chức đánh bạc, với vai trò giúp sức tích cực, bị cáo cho các con bạc vay tiền, giúp sức cho bị cáo T4; hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 3 năm tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là nhẹ, không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt hay cho bị cáo hưởng án treo.

Đối với bị cáo L và D tham gia đánh bạc nhiều lần, có nhân thân xấu trong đó bị cáo L đã từng bị kết án về tội đánh bạc, nay đã xóa án tích nhưng lại phạm tội về hành vi này; bị cáo D đã bị xử phạt hành chính về hành vi hủy hoại tài sản chưa được xóa tiền sự nay lại phạm tội. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt hoặc cho các bị cáo hưởng án treo.

Các bị cáo tham gia tranh tụng như sau: Bị cáo T nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, nhưng cho rằng hiện bị cáo đang bị bệnh phải điều trị tại Bệnh viện Thống Nhất, đang nuôi 2 con nhỏ nên xin được hưởng án treo. Bị cáo L và D cho rằng hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính, bị cáo L đang nuôi mẹ bị bệnh bại liệt nên xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Đại D, Vũ Thị Ngọc L, Phạm Văn T đúng luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Xét đơn kháng cáo của bị cáo Trần Đại D, Vũ Thị Ngọc L, Phạm Văn T xin giảm án hoặc cho hưởng án treo thì thấy:

[1]. Tòa án nhân dân Thành phố M xét xử bị cáo Phạm Văn T về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Trần Đại D, Vũ Thị Ngọc L về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Bị cáo Phạm Văn T tham gia tổ chức đánh bạc với vai trò đồng phạm, bị cáo cho vay tiền tại sòng bạc, tạo điều kiện cho các con bạc tham gia đánh bạc với nhau, bị cáo giúp sức cho hành vi tổ chức đánh bạc. Ngoài ra, bị cáo cho vay để thu tiền lãi của các con bạc. Hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, tạo điều kiện cho các con bạc sát phạt nhau, là nguyên nhân dẫn đến mất trật tự an ninh xã hội, làm đổ vỡ hạnh phúc gia đình và các tội phạm khác..., cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 3 năm tù là có chiều cố cho bị cáo nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tuy nhiên, bị cáo tham gia vụ án với vai trò đồng phạm giúp sức, không phải là kẻ chủ mưu, cầm đầu tổ chức đánh bạc; bị cáo chưa thu hồi số tiền vốn và lãi cho vay, chưa thu lợi bất chính; bị cáo có nhân thân tốt lần đầu phạm tội, hiện có nơi cư trú rõ ràng, đang điều trị bệnh tim mạch, tiểu đường, huyết áp; là những căn cứ mới để cho bị cáo được hưởng án treo nhằm tạo điều kiện cho bị cáo nuôi dạy 2 con nhỏ và điều trị bệnh.

[3]. Bị cáo Vũ Thị Ngọc L mang theo 30.300.000 đồng từ thành phố B H2, tỉnh Đ N lên quận G V, Thành phố M để đánh bạc với quyết tâm rất cao; hơn nữa bị cáo Vũ Thị Ngọc L có nhân thân xấu đã từng phạm tội đánh bạc, dù đã xóa án tích nhưng nay lại tiếp tục phạm tội này nên thuộc trường hợp khó cải tạo. Bị cáo Trần

Đại D mang theo 7.700.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo có 01 tiền sự, ngày 07/02/2018, bị Công an huyện T3 B1, tỉnh Đ N ra quyết định xử phạt hành chính phạt 3.500.000 đồng về hành vi hủy hoại tài sản, bị cáo chưa được xóa tiền sự nay lại phạm tội, thuộc trường hợp khó cải tạo, giáo dục. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nhưng phạm tội nhiều lần, cấp sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo 02 năm tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là nhẹ, không có căn cứ để tiếp tục giảm nhẹ hình phạt hoặc cho các bị cáo được hưởng án treo.

[4]. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T, bác đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Ngọc L và Trần Đại D; bị cáo Vũ Thị Ngọc L và Trần Đại D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Ngọc L và Trần Đại D; sửa một phần bản án sơ thẩm như sau:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; Điều 50; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn T** 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 12/5/2020);

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân Phường 12, quận G V, Thành phố M để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Vũ Thị Ngọc L**: 02 (hai) năm tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị bắt giữ, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2018 đến ngày 11/12/2018.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Đại D**: 02 (hai) năm tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị bắt giữ, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2018 đến ngày 11/12/2018.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Buộc mỗi bị cáo Trần Đại D, bị cáo Vũ Thị Ngọc L nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 12/5/2020)/.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1)
- TAND TP M (1);
- VKSND TP M (1);
- Cục THADS TP M (1);
- CA TP M (1);
- Sở tư pháp TP M (1);
- Ủy ban nhân dân Phường 12, quận G V (1)
- Bị cáo (3)
- Lưu HS (1) VT(6) 18b-PTHH.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Ngọc Thu Hương

Phạm Văn Công

Đặng Văn Ý

